

Vietnam Daily Review

Giao dịch giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/9/2022		•	
Tuần 5/9-9/9/2022		•	
Tháng 9/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục giảm gần 9 điểm so với phiên hôm qua sau một ngày giao dịch giằng co, đóng cửa tại mốc 1,234.6 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index hôm nay tiếp tục hình thành một cây nến Marubozu đỏ, đã phá vỡ đường viền cổ của mẫu hình Vai – đầu – vai, cho thấy tâm lí thị trường không mấy tích cực. Trong những phiên tới, có khả năng chỉ số sẽ tiếp tục lùi về vùng hỗ trợ 1,220-1,230. Nếu tiếp tục để mất ngưỡng hỗ trợ này, chỉ số sẽ quay trở về ngưỡng 1,190-1,200.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo xu hướng của chỉ số VN30. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng vào phiên ngày mai.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 8/9/2022, các chứng quyền giảm giằng co theo chiều của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-8.57** điểm, đóng cửa **1234.6** điểm. HNX-Index **-1.9** điểm, đóng cửa **282.15** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.08)**, **SAB (+0.6)**, **NVL (+0.59)**, **VIC (+0.39)**, **MWG (+0.3)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.4)**, **BID (-1.41)**, **GVR (-0.81)**, **HVN (-0.62)**, **CTG (-0.61)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,723** tỷ đồng, giảm **-32.42%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,415 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.76 điểm. Thị trường có **151** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **317** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **74.35** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (99.77 tỷ)**, **DGC (45.74 tỷ)**, **NLG (25.62 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.79** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1234.60**
Giá trị: 12723.09 tỷ **-8.57 (-0.68%)**
Khối ngoại (ròng): 74.35 tỷ

HNX-INDEX **282.15**
Giá trị: 1465.45 tỷ **-1.9 (-0.67%)**
Khối ngoại (ròng): 1.79 tỷ

UPCOM-INDEX **90.31**
Giá trị: 657.66 tỷ **-0.07 (-0.08%)**
Khối ngoại(ròng): 5.4 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	82.2	0.27%
Giá vàng	1,720	0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,554	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,812	0.35%
Tỷ giá JPY/VND	16,355	0.00%
LS liên NH 1 tháng	5.8%	0.09%
LS TPCP 5 năm	3.3%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	99.77	SSI	-35.25
DGC	45.74	STB	-30.22
NLG	25.62	CTG	-18.70
MSN	13.61	DRC	-15.51
VND	11.56	VHM	-15.09

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 8/9

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	88.89	2.32%	-8.37%	-1.16%	29.05%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	94.82	1.94%	-7.88%	-0.31%	31.29%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.46	-0.32%	-9.59%	-7.33%	14.38%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1709.53	-0.11%	-1.63%	-4.42%	-6.23%		PNJ
Bạc	Ounce	18.15	0.71%	-3.20%	-12.10%	-26.43%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1510.50	2.56%	-5.90%	7.60%	17.87%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	705.05	-11.09%	-14.02%	-9.58%	-0.52%	AFX	
Sữa	Cwt	19.75	0.82%	-1.89%	-1.99%	18.69%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	133.40	0.08%	-7.10%	-13.60%	-19.10%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	18.15	0.89%	-1.73%	2.14%	-7.49%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	3.18	0.00%	-0.63%	12.37%	-0.31%		
Cà phê	LB	232.65	-1.67%	-4.26%	8.39%	21.90%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.45	0.80%	-4.52%	-3.87%	-20.20%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3840.00	1.13%	-4.31%	-7.02%	-28.28%		HPG
Nhôm	Ton	2290.50	-0.22%	-4.20%	-6.34%	-17.34%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	98.00	-1.01%	-9.68%	-16.24%	-31.71%	HPG	
Than đá	Ton	435.00	1.79%	4.22%	10.55%	143.02%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch, giá dầu thô WTI của Mỹ được giao dịch ở mức 90.46 USD/thùng, giảm 0.30 USD, tương đương 0.33%.
- Giá dầu giảm xuống mức thấp nhất kể từ cuộc xung đột Nga – Ukraine, do lo ngại nhu cầu xuất hiện bởi rủi ro suy thoái và dự liệu thương mại ảm đạm của Trung Quốc.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.9% lên 1,716.59 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2022 trên sàn New York tăng 0.9% lên 1,727.8 USD/ounce.
- Chỉ số đồng USD đạt mức cao nhất 20 năm, khiến vàng được định giá bằng đồng bạc xanh trở nên kém hấp dẫn so với tiền tệ khác. Tuy nhiên, đồng USD giảm nhẹ từ mức cao đỉnh điểm vào cuối phiên, đã đẩy giá vàng tăng.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2023 trên sàn Đại Liên giảm 1.7% xuống 680 CNY (97.61 USD/tấn).
- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm sau 2 phiên tăng liên tiếp, cùng với đó là giá quặng sắt trên sàn Singapore cũng giảm, chịu áp lực bởi số liệu thương mại tháng 8/2022 đáng thất vọng và tồn trữ quặng sắt tại Trung Quốc tăng.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 2/2023 trên sàn Osaka duy trì ổn định ở mức 214.8 JPY (1.49 USD)/kg.
- Giá cao su tại Nhật Bản duy trì ổn định, được hỗ trợ bởi đồng JPY suy yếu bù đắp thị trường cao su tại Thượng Hải giảm. Đồng JPY suy yếu khiến giá cao su trở nên đắt hơn khi mua bằng tiền tệ khác.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2022 trên sàn ICE giảm 7 US cent tương đương 3% xuống 2.2325 USD/lb.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2022 trên sàn London giảm 2 USD tương đương 0.3% xuống 571.2 USD/tấn.

Thị trường chứng khoán thế giới

	8/9	% 8/9	7/9	% 7/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1234.60	-0.69%	1243.17	-18.46%	-3.50%	-1.45%
S&P 500			3979.87	1.83%	-0.16%	-3.99%
HDTL S&P500	3980.50	0.01%	3980.00	-13.12%	0.61%	-3.89%
Shang-hai	3235.59	-0.33%	3246.29	-1.11%	1.59%	-0.36%
Euro Stoxx	3505.47	0.10%	3502.09	-7.89%	1.41%	-5.65%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/5/2022	DRC	29.5	34	27.5	31	34	5.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	62.3	35	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2022	REE	81.2	93	76	81.3	36	0.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	POW	13.75	16	13	13.7	37	-0.36%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	40	38	-3.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/18/2022	GVR	23.2	28	21.9	25	52	7.76%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

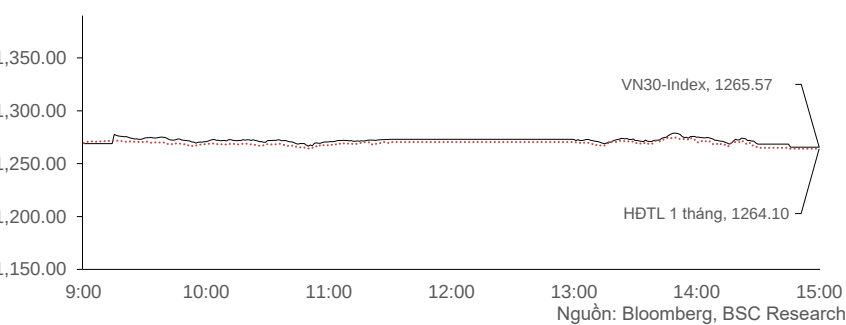
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	SL	5	-11.28%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	2	3.24%	-1.70%	1.60%	39
Cổ phiếu đã chốt	249	223	7.10%	-7.53%	4.17%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2209	1264.10	-0.07%	-1.47	17.5%	295,182	9/15/2022	7
VN30F2210	1260.40	-0.21%	-5.17	55.4%	3,913	10/20/2022	42
VN30F2212	1256.00	-0.32%	-9.57	-80.9%	39	12/15/2022	98
VN30F2203	1250.00	-0.01%	-15.57	-64.5%	65	3/16/2023	189

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -3.38 điểm xuống 1265.57 điểm, biên độ dao động 13.77 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VIB, VCB, ACB, và STB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giằng co với mức thanh khoản giảm mạnh đã cho thấy thị trường có xu hướng thận trọng hơn sau phiên bán tháo hôm qua. Trong phiên tới, xu hướng điều chỉnh ngắn hạn có thể sẽ tiếp tục tiếp diễn. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng vào phiên ngày mai.
- Các HDTL đều giảm theo xu hướng của chỉ số VN30. Xét về KLGD, HĐ VN30F2303 và VN30F2209 đều tăng, các HĐ còn lại giảm. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2205	12/27/2022	110	9.92:1	40,800	42.20%	1,200	880	17.33%	1,057	0.83	121,082	113,979	115,000
CMSN2208	10/7/2022	29	4.97:1	31,200	42.20%	2,400	1,040	11.83%	2,068	0.50	109,153	104,233	115,000
CMSN2206	1/3/2023	117	14.8:1	95,600	42.20%	1,000	570	7.55%	306	1.86	139,759	133,333	115,000
CNVL2205	12/27/2022	110	16:1	51,800	25.07%	1,100	930	5.68%	387	2.40	96,288	81,888	85,000
CKDH2209	3/28/2023	201	2:1	44,700	31.50%	1,200	1,010	-0.98%	1,613	0.63	40,164	36,344	35,500
CVRE2212	1/13/2023	127	8:1	48,400	38.96%	1,000	910	-1.09%	225	4.04	30,080	30,000	27,400
CPDR2204	1/3/2023	117	24.8:1	181,500	31.14%	1,000	430	-2.27%	99	4.36	60,459	57,979	54,000
CVRE2210	12/7/2022	90	8:1	119,800	38.96%	2,300	840	-3.45%	224	3.75	29,600	28,800	27,400
CVHM2211	3/28/2023	201	16:1	64,000	25.50%	1,000	610	-4.69%	185	3.31	71,879	64,999	59,600
CMBB2206	10/3/2022	25	16.5:1	61,200	34.57%	1,000	590	-4.84%	276	2.14	29,243	22,222	22,800
CTCB2208	12/26/2022	109	15.5:1	19,100	32.04%	4,000	2,150	-4.87%	119	18.05	44,495	40,000	37,400
CTPB2205	12/12/2022	95	7.77:1	55,500	41.25%	4,000	1,710	-5.00%	274	6.24	28,622	28,000	26,900
CVRE2209	12/27/2022	110	4:1	296,700	38.96%	1,000	340	-5.56%	327	1.04	38,008	30,888	27,400
CHDB2208	3/8/2023	181	7.56:1	30,300	34.44%	1,100	1,380	-6.12%	542	2.55	33,676	23,999	25,500
CVJC2204	3/28/2023	201	19.3:1	148,000	27.58%	1,500	720	-6.49%	194	3.71	134,365	133,979	115,000
CMBB2205	10/31/2022	53	10:1	42,500	34.57%	3,000	730	-7.59%	24	30.93	37,567	32,000	22,800
CHDB2206	1/3/2023	117	5:1	196,200	34.44%	1,000	310	-13.89%	170	1.82	31,699	29,999	25,500
CACB2204	11/7/2022	60	1.6:1	77,000	27.72%	2,500	800	-20.00%	327	2.45	27,189	32,500	24,000
CHDB2207	12/7/2022	90	7.56:1	29,400	34.44%	2,500	1,230	-24.54%	374	3.29	35,689	24,500	25,500
CMBB2204	11/7/2022	60	10:1	69,600	34.57%	2,200	640	-31.91%	43	14.94	35,233	31,000	22,800
Tổng		1,703,300	34.62%**										
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
		**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 8/9/2022, các chứng quyền giảm giằng co theo chiều của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2203 và CNVL2203 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 131.25% và 125%. Giá trị giao dịch giảm -39.22%. CPOW2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.02%.
- CPNJ2203, CMSN2209, CPNJ2202, và CPNJ2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CFPT2206, CPOW2205, CSTB2214, và CHDB2208 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2207, CPNJ2202, CPNJ2201, và CMSN2208 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	71.5	1.1%	0.6	4,550	11.6	3,436	20.8	4.7	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	112.5	1.4%	0.6	1,203	2.6	5,978	18.8	3.4	48.3%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	56.0	-1.1%	1.2	1,807	3.7	2,411	23.2	1.9	26.5%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	44.8	-0.4%	0.7	456	0.0	3,289	13.6	1.3	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	62.9	0.6%	0.5	10,430	2.3	(74)	#N/A N/A	2.3	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	27.4	-0.9%	1.1	2,707	1.2	571	48.0	2.0	32.0%	4.2%
VHM	Bất động sản	59.6	0.2%	0.8	11,283	4.3	6,478	9.2	2.1	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	24.4	-1.0%	1.4	645	9.9	1,223	20.0	1.6	29.6%	8.2%
SSI	Chứng khoán	22.1	-2.2%	1.8	1,428	15.6	2,674	8.2	1.6	35.3%	22.0%
VCI	Chứng khoán	36.6	-3.2%	1.0	693	10.0	3,497	10.5	2.2	13.5%	24.3%
HCM	Chứng khoán	24.8	0.6%	1.6	492	5.6	2,522	9.8	1.4	40.9%	17.5%
FPT	Công nghệ	84.3	0.4%	0.9	4,021	4.2	4,512	18.7	4.7	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	69.4	-0.9%	0.4	991	0.0	4,926	14.1	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	111.8	-0.2%	1.0	9,303	1.5	6,669	16.8	3.6	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	39.8	-0.5%	1.5	2,199	2.0	723	55.1	2.2	17.6%	3.8%
PVS	Dầu khí	25.1	-2.3%	1.6	522	13.4	1,104	22.7	1.0	10.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	23.9	-1.2%	0.8	3,222	10.4	2,108	11.3	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	90.3	-0.8%	0.3	513	0.0	6,361	14.2	3.1	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	52.0	1.6%	1.3	885	9.4	14,563	3.6	1.5	15.4%	51.9%
DCM	Hóa chất	36.9	3.1%	1.3	849	11.0	7,025	5.3	2.0	8.6%	44.7%
VCB	Ngân hàng	78.0	-2.5%	0.8	16,049	3.7	5,273	14.8	3.0	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	36.7	-2.9%	1.2	8,072	3.6	2,562	14.3	2.0	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	26.9	-1.8%	1.5	5,610	4.3	3,056	8.8	1.3	26.8%	15.1%
VPB	Ngân hàng	29.9	-1.3%	1.2	5,818	14.0	3,755	8.0	1.5	17.5%	22.2%
MBB	Ngân hàng	22.8	-0.9%	1.3	4,495	7.9	3,467	6.6	1.5	19.4%	26.0%
ACB	Ngân hàng	24.0	-1.2%	1.1	3,524	2.2	3,482	6.9	1.6	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	61.2	-1.3%	0.7	218	0.3	4,413	13.9	2.0	85.2%	15.2%
NTP	Nhựa	41.6	-0.5%	0.6	234	0.1	3,914	10.6	1.9	17.7%	18.0%
MSR	Tài nguyên	18.5	-2.1%	1.6	884	0.2	178	103.9	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	23.1	0.4%	1.1	5,840	20.4	4,747	4.9	1.3	20.4%	31.8%
HSG	Thép	20.8	-3.3%	1.6	451	9.9	4,213	4.9	0.9	6.7%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	75.7	0.0%	0.5	6,879	4.5	4,055	18.7	4.6	54.9%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	191.7	2.0%	0.8	5,345	1.4	7,018	27.3	5.3	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	115.0	2.7%	1.0	7,119	2.4	7,172	16.0	5.6	28.9%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	17.4	-0.9%	1.6	476	1.0	1,381	12.6	1.3	8.2%	8.3%
ACV	Vận tải	85.5	0.0%	0.8	8,093	0.1	363	235.7	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	115.0	1.0%	1.1	2,708	2.8	176	652.8	3.6	16.5%	0.6%
HVN	Vận tải	15.2	-6.8%	1.7	1,459	3.2	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	48.0	-1.3%	1.0	629	2.1	2,705	17.7	2.1	46.8%	12.5%
PVT	Vận tải	21.3	0.0%	1.5	299	2.2	1,982	10.7	1.3	14.6%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.0	-1.4%	0.8	508	0.4	10,334	7.1	2.4	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	58.7	-4.6%	0.7	1,144	4.5	4,350	13.5	3.4	5.3%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.4	-0.6%	1.1	255	0.2	505	30.4	1.1	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	67.0	-0.1%	1.2	215	2.0	(958)	#N/A N/A	0.6	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	21.5	-2.7%	1.5	235	5.5	1,446	14.8	1.0	9.8%	6.9%
REE	Điện	81.3	-2.0%	-1.4	1,256	4.1	6,593	12.3	2.0	49.1%	17.7%
PC1	Điện	39.0	-0.5%	-0.4	399	3.5	2,081	18.7	1.9	4.5%	10.5%
POW	Điện	13.7	-2.1%	0.6	1,395	11.1	676	20.3	1.1	2.4%	5.3%
NT2	Điện	27.3	-1.8%	0.6	341	2.0	3,116	8.7	1.8	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	30.0	-4.9%	1.5	1,001	11.5	324	92.5	1.6	17.8%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	88.0	0%	0.9	3,960	0.4	1,640	53.6	5.2	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	115.00	2.68	1.08	484100
SAB	191.70	1.97	0.60	168200
NVL	85.00	1.43	0.59	5.28MLN
VIC	62.90	0.64	0.39	841200
MWG	71.50	1.13	0.30	3.75MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.81	2.27MLN	1.11MLN
BID	-0.01	-0.62	4.81MLN	607060
GVR	0.00	-0.61	3.66MLN	373600
HVN	0.00	-0.48	1.88MLN	192700
CTG	0.00	-0.46	10.65MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDN	124.50	6.96	0.04	900.00
FLC	3.57	6.89	0.04	18.42MLN
HAI	1.58	6.76	0.01	3.87MLN
HOT	30.45	6.65	0.00	5900
AMD	2.25	6.64	0.01	2.34MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	78.00	-2.50	-2.40	1.07MLN
BID	36.70	-2.91	-1.41	2.19MLN
GVR	25.00	-3.10	-0.81	2.27MLN
HVN	15.15	-6.77	-0.62	4.81MLN
CTG	26.85	-1.83	-0.61	3.66MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

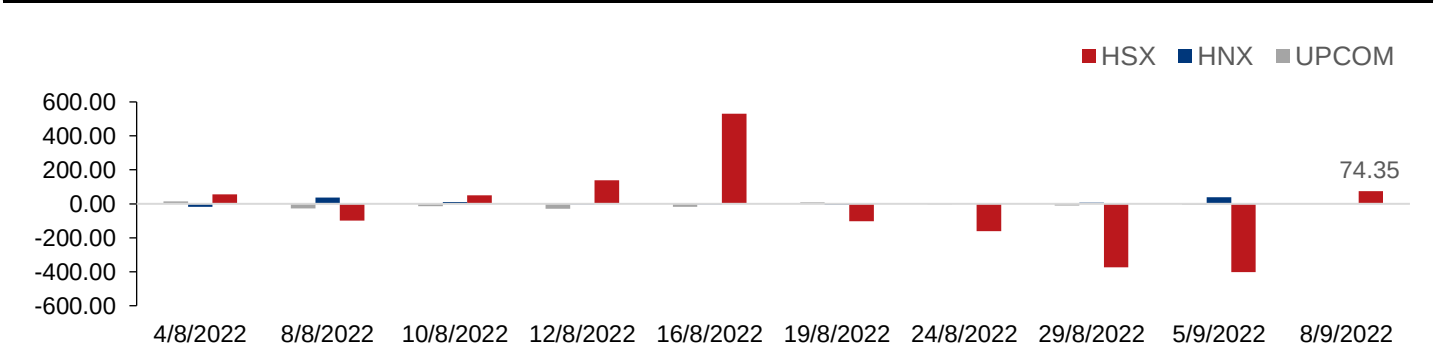
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTP	50.10	5.47	0.12	849000.00
HHC	83.90	8.96	0.09	100.00
NVB	24.90	0.40	0.08	25500
SJE	36.00	8.11	0.08	5100.00
KLF	2.30	9.52	0.05	5.44MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	26.30	-4.01	-0.36	3.19MLN
SHS	12.10	-2.42	-0.36	11.35MLN
PVS	25.10	-2.33	-0.24	11.93MLN
BAB	16.30	-0.61	-0.12	10100
API	20.90	-9.52	-0.12	1.05MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ADC	18.80	9.9	0.00	100
TKC	11.10	9.9	0.01	198800
QHD	44.60	9.9	0.03	200
SDU	21.50	9.7	0.01	100
KLF	2.30	9.5	0.05	5.44MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	59.40	-9.86	-0.02	300
THS	27.70	-9.77	0.00	700
PJC	24.10	-9.74	-0.02	400
EBS	10.30	-9.65	-0.01	100
API	20.90	-9.52	-0.12	1.05MLN

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	52.0	14,563	3.6	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	15.4	505	30.4	1.1	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	27.3	3,116	8.7	1.8	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	19.2	0	#N/A N/A	0.8	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	35.8	2,692	13.3	1.3	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	22.5	1,168	19.3	2.0	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	39.0	2,081	18.7	1.9	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.7	676	20.3	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	21.8	6,984	3.1	0.9	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	81.3	6,593	12.3	2.0	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	35.1	4,406	8.0	0.9	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	111.8	6,669	16.8	3.6	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	50.0	3,842	13.0	2.3	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	23.1	4,747	4.9	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	15.5	4,170	3.7	1.6	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	23.9	2,108	11.3	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	71.6	3,616	19.8	6.1	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	112.5	5,978	18.8	3.4	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.4	1,889	8.2	0.7	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.3	3,116	8.7	1.8	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	71.7	10,763	6.7	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	86.2	5,014	17.2	5.6	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	39.0	2,081	18.7	1.9	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.3	179	79.9	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	84.3	4,512	18.7	4.7	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	31.0	2,277	13.6	2.1	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	21.8	6,984	3.1	0.9	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.7	676	20.3	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	112.5	5,978	18.8	3.4	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	71.5	3,436	20.8	4.7	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.3	1,982	10.7	1.3	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	96.8	12,417	7.8	4.0	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	23.1	4,747	4.9	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	30.0	324	92.5	1.6	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	24.5	5,269	4.6	1.5	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	24.4	1,223	20.0	1.6	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	71.8	4,503	15.9	5.7	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	50.0	3,842	13.0	2.3	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	25.0	2,905	8.6	1.7	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	87.9	11,226	7.8	2.2	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.6	1,963	15.6	1.5	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	44.8	3,289	13.6	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	25.1	1,104	22.7	1.0	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	111.8	6,669	16.8	3.6	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.6	4,011	5.6	1.5	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	67.0	-958	#N/A N/A	0.6	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.4	1,889	8.2	0.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639